

Ngày: 26/9/2025
V/v : “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sao Hôm và ông Nguyễn Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19/6/2025, về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXX-ST ngày 18/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/7/1993, CCCD số 030193005527, cấp ngày 19/8/2021. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh ngày 17/6/1992, CCCD số 001092012518, cấp ngày 09/12/2021. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng).

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn T từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng).

Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên mắng chửi, xúc phạm danh dự của chị và gia đình chị; đầu năm 2024 đánh chị bị thương tích, các con chị cũng đã chứng kiến. Vợ chồng chị đã sống ly thân và đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Nay chị xét thấy vợ

chồng có nhiều mâu thuẫn đến mức quá trầm trọng, không thể đoàn tụ như Tòa án hòa giải động viên. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống, nuôi dạy con nhỏ.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Đỗ Trọng H1, sinh ngày 15/01/2016 và Đỗ Đăng K, sinh ngày 14/12/2018; cả hai con chung đều đang ở cùng chị. Sau ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 12 triệu đồng/tháng và có bố mẹ chị ở cùng để chăm lo cho các cháu giúp chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại Công an xã L, thành phố Hải Phòng, được ông Đỗ Văn S, Phó Trưởng Công an xã L cung cấp: Anh Đỗ Văn T, sinh ngày 17/6/1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng; ông Tô Văn Q, Trưởng thôn T, xã L cung cấp: Anh Đỗ Văn T từ trước đến nay cư trú, sinh sống tại gia đình ông Nguyễn Đình D1 ở thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng; gần đây anh T ra ngoài ở trọ nhưng vẫn thỉnh thoảng có về gia đình. Vợ chồng H – T có nhiều lần to tiếng, cụ thể mâu thuẫn thế nào, lý do tại sao ông không nắm được. Cháu Đỗ Trọng H1, là con anh T, chị H cũng có lời khai: Từ trước tháng 02/2025 cháu ở cùng bố, sau đó ở cùng mẹ tại nhà ông bà ngoại tại thôn T, xã L. Bố cháu là Giáo viên, mẹ là công nhân. Bố mẹ cháu hay đánh cãi nhau, bố nhiều lần đánh mẹ rồi đuổi mẹ ra khỏi nhà. Ông Nguyễn Đình D1, là bố chị H khai: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương vào tháng 9/2015; được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, do anh T cũng đi làm Công ty tại địa phương huyện K, tỉnh Hải Dương nên anh T đã đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại gia đình ông từ khi kết hôn đến nay. Thời gian những năm đầu, ông thấy vợ chồng chị H - Trung hòa thuận, vui vẻ; khoảng hơn một năm nay, dù các cháu không nói gì với ông nhưng ông cũng thấy có sự khác lạ trong cuộc sống vợ chồng các con, ông thấy các con mặt nặng mày nhẹ, thậm chí còn cãi chửi nhau, đôi khi trước mặt vợ chồng ông còn thái độ quá đáng, không đúng mực như thách thức, chửi bới chị H và vợ chồng ông. Sự việc vợ chồng H - T mâu thuẫn kéo dài từ cuối năm 2023 đến tháng 5/2025 thì anh T bỏ ra ngoài ở trọ và hằng tuần vẫn về thăm con nhưng không thấy vợ chồng H - T nói chuyện với nhau. Ông bà cũng đã họp gia đình, khuyên bảo các con nhưng không có kết quả.

Nay chị H xin ly hôn anh T, là cha mẹ, ông không muốn các con ly hôn nhưng nếu vợ chồng các cháu không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không thể đoàn tụ thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Vợ chồng H - T có hai con chung là Đỗ Trọng H1, sinh ngày 15/01/2016 và Đỗ Đăng K, sinh ngày 14/12/2018. Cả hai cháu đều đang ở cùng chị H tại gia đình ông. Nếu Tòa án giao cả hai hay một cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì ông cam đoan có trách nhiệm giúp chị H chăm sóc các cháu chu

đáo vì vợ chồng ông cũng có nhà để con cháu ở, sinh hoạt (ngôi nhà anh T và chị H vẫn ở từ trước tới nay) và ông cũng vừa nghỉ hưu nên có đủ điều kiện về thời gian giúp chị H chăm sóc, đưa đón các cháu học hành.

Tòa án đã gửi các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T và gửi qua Ủy ban nhân dân xã L, qua Bru điện, đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án cũng điện thoại nhiều lần cho anh T, anh T xác định anh đã có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự do anh và chị H đã thống nhất ly hôn nên anh đã làm đơn, ký đơn ly hôn nhưng anh cho rằng thế là xong nên anh không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa:

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T vắng mặt và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cả hai con chung Đỗ Trọng H1, sinh ngày 15/01/2016 và Đỗ Đăng K, sinh ngày 14/12/2018 cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:* Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Đỗ Văn T từ ngày 16 tháng 9 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng), là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên mắng chửi, xúc phạm danh dự của chị H và gia đình chị; đầu năm 2024 anh T đánh chị H bị thương tích. Vợ chồng chị đã sống ly thân và đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Chính quyền địa phương thôn T xác nhận vợ chồng chị H, anh T có mâu thuẫn, to tiếng; cháu Đỗ Trọng H1, là con anh T, chị H cũng khai: Bố cháu là Giáo viên, mẹ là công nhân. Bố mẹ cháu hay đánh cãi nhau, bố nhiều lần đánh mẹ rồi đuổi mẹ ra khỏi nhà. Ông Nguyễn Đình D1, là bố chị H khai: Do anh T đi làm Công ty tại địa phương huyện K, tỉnh Hải Dương nên anh T đã đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại gia đình ông từ khi kết hôn đến nay. Thời gian những năm đầu, ông thấy vợ chồng chị H - Trung hòa thuận, vui vẻ; khoảng hơn một năm nay, dù các cháu không nói gì với ông nhưng ông cũng thấy có sự khác lạ trong cuộc sống vợ chồng các con, ông thấy các con mặt nặng mày nhẹ, thậm chí còn cãi chửi nhau, đôi khi trước mặt vợ chồng ông còn thái độ quá đáng, không đúng mực như thách thức, chửi bới chị H và vợ chồng ông. Sự việc vợ chồng H - T mâu thuẫn kéo dài từ cuối năm 2023 đến tháng 5/2025 thì anh T bỏ ra ngoài ở trọ và hằng tuần vẫn về thăm con nhưng không thấy vợ chồng H - T nói chuyện với nhau. Gia đình cũng đã họp, khuyên bảo các con nhưng không có kết quả.

Nay chị H xin ly hôn anh T, là cha mẹ, ông không muốn các con ly hôn nhưng nếu vợ chồng các cháu không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không thể đoàn tụ thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ

án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T và gửi qua Ủy ban nhân dân xã L, qua Buu điện, đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; qua điện thoại, anh T xác định anh đã có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự do anh và chị H đã thống nhất ly hôn nên anh đã làm đơn, ký đơn ly hôn nhưng anh cho rằng thế là xong nên anh không đến Tòa án làm việc (việc này phù hợp với Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con cái, tài sản, giữa anh T và chị H nộp cho Tòa án). Việc anh T không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh không còn yêu thương, mong muốn chị H về đoàn tụ.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T có hai con chung là Đỗ Trọng H1, sinh ngày 15/01/2016 và Đỗ Đăng K, sinh ngày 14/12/2018. Cả hai cháu đều đang ở cùng chị H. Sau ly hôn, chị H xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 12 triệu đồng/tháng; ông D1 là bố đẻ chị H cam kết nếu Tòa án giao cả hai con chung cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì ông sẽ giúp chị H chăm lo cho các cháu chu đáo do ông có nhà riêng để chị H và các con ở, ông mới nghỉ hưu nên có điều kiện thời gian chăm sóc các cháu. Cháu Đỗ Trọng H1 là con chị H, anh T xin được ở cùng chị H. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ điều kiện của anh T, chị H và để đảm bảo quyền lợi và ý nguyện của các con muốn được ở cùng chị H, xét nên giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp.

Chị H không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh T và không thuộc trường hợp được miễn nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia

đình. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

3/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là Đỗ Trọng H1, sinh ngày 15/01/2016 và Đỗ Đăng K, sinh ngày 14/12/2018 đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con chung.

4/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo biên lai ký hiệu: BLTU/24 số: 0004178 ngày 19 tháng 6 năm 2025.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10-Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng;
- Lưu HS, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung